

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Biểu mẫu 18**

*Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo*

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, năm 2021-2022**  
*(Về các học phần của từng khóa học, chuyên ngành, thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp)*

**NGÀNH: SƯ PHẠM NGŨ VĂN**

1. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành:

<b>STT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Mục đích học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Lịch trình giảng dạy</b>	<b>Phương pháp đánh giá người học</b>
1.	Triết học Mác – Lênin	Học phần giúp người học có hiểu biết căn bản, nền tảng, hệ thống về triết học Mác-Lênin. Từ đó, học phần giúp người học biết vận dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp biện chứng duy vật vào việc học tập, nghiên cứu các khoa học cụ thể; đồng thời phân tích và giải quyết được những vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.	3	Học kỳ 1	Tự luận
2.	Pháp luật đại cương	Học phần giúp người học vận dụng được các kiến thức về nhà nước và pháp luật để sử dụng trong giảng dạy và cách ứng xử của cá nhân trong xã hội khi liên quan đến pháp luật; đồng thời có kiến thức và cơ sở lý luận để học các học phần liên quan, thực hiện được các công việc liên quan đến nhà nước và pháp luật.	2	Học kỳ 1	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
3.	Tin học căn bản	Học phần giúp người học có khả năng sử dụng máy tính như một phương tiện phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu, sử dụng máy tính với các phần mềm MS Word, MS Excel và MS PowerPoint thành thạo, truy cập Internet để tiếp cận với các thông tin mới và có thể học được các học phần khác có sử dụng máy tính.	3	Học kỳ 1	Thực hành
4.	Giáo dục thể chất 1	Học phần giúp người học rèn luyện thể chất và tập luyện thể thao để giữ gìn sức khỏe. Bồi dưỡng kỹ năng vận động trong cuộc sống thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực, bài tập chạy cự ly ngắn và các phương pháp tập luyện, tự tập luyện phát triển thể lực cá nhân (sức bền, sức mạnh, sức nhanh, khéo léo, độ dẻo).	1	Học kỳ 1	Thực hành
5.	Tâm lý học đại cương	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm của hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý cơ bản của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Trên cơ sở đó giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt, giải thích được các hiện tượng tâm lý cơ bản, góp phần định hướng cho hoạt động của người học.	2	Học kỳ 1	Trắc nghiệm, Tự luận
6.	Nhập môn nghề giáo	Học phần giúp người học hình thành và phát triển hệ thống tri thức về vị trí, vai trò của nghề giáo trong xã hội; các đặc điểm lao động của nghề giáo, các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người làm nghề giáo theo yêu cầu đổi mới hiện nay; kỹ năng định hướng rèn luyện để trở thành người giáo viên trong tương lai.	1	Học kỳ 1	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
7.	Hán Nôm I	Học phần giúp người học nắm bắt những kiến thức cơ sở về cổ Hán văn: chữ Hán, cú pháp, một số hư từ thường dùng, cùng các kỹ năng cần thiết để đọc và tra cứu văn bản đơn giản; giúp người học có cơ sở tiếp cận lớp từ gốc Hán và tích lũy những kiến thức về thể loại Hán văn truyền thống cũng như văn hóa, văn học được tích hợp trong các văn bản tuyển chọn. Trên cơ sở đó củng cố và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên cơ sở lớp từ gốc Hán, đồng thời nâng cao năng lực cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học nói chung và văn học chữ Hán nói riêng.	3	Học kỳ 1	Tự luận
8.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần giúp người học nắm bắt những khái niệm về văn hóa nói chung và về văn hóa Việt Nam; về hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng. Học phần cũng giúp người học biết cách tiếp cận, tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; biết phân tích, đánh giá được những giá trị truyền thống văn hóa Việt.	2	Học kỳ 1	Tự luận
9.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần này giúp người học hiểu các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, bao gồm những vấn đề chung nhất cho đến các khái niệm cơ bản của các phân ngành ngữ âm học, ngữ nghĩa học và ngữ pháp học.	2	Học kỳ 1	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp
10.	Lý luận văn học I	Học phần giúp người học nhận thức những vấn đề và khái niệm cơ bản của lý luận văn học: văn học, đặc trưng văn học, văn học và xã hội, sáng tạo và viết, tiếp nhận văn học... và các vấn đề khác. Đây là các vấn đề nền tảng để người học tiếp tục tìm hiểu các vấn đề chuyên môn sâu hơn về lý luận văn học, cũng như khả năng áp dụng các tri thức lý luận văn học vào việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học.	2	Học kỳ 1	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
11.	Văn học dân gian Việt Nam	Học phần giúp người học có kiến thức đại cương về văn học dân gian, cơ cấu thể loại văn học dân gian và phương pháp tiếp cận tác phẩm văn học dân gian theo đặc trưng thể loại. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào việc phân tích, đánh giá tác phẩm và các vấn đề về văn học dân gian phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và dạy học văn học dân gian trong nhà trường.	3	Học kỳ 2	Tự luận
12.	Kinh tế chính trị học Mác-Lênin	Học phần giúp người học có những tri thức cơ bản, cốt lõi và mở rộng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay; những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản và mới của kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cách mạng công nghiệp và hội nhập quốc tế.	2	Học kỳ 2	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận
13.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần giúp người học hiểu biết về những vấn đề lí luận trong chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời, học phần cũng giúp người học nắm bắt những kiến thức thực tiễn ở Việt Nam có liên quan đến những vấn đề lí luận trên.	2	Học kỳ 2	Tự luận, thuyết trình
14.	Tâm lý học giáo dục	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. Trên cơ sở này, người học vận dụng kiến thức đã học để phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục phổ thông, hình thành và phát triển tri thức, kỹ năng cần thiết cho bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.	2	Học kỳ 2	Trắc nghiệm, Tự luận
15.	Giáo dục học đại cương	Học phần giúp người học hình thành và phát triển hệ thống tri thức và kỹ năng phân tích các vấn đề cơ bản về cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất, động lực và hệ thống phương pháp	2	Học kỳ 2	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		dạy học theo các quan điểm dạy học truyền thống và hiện đại. Đồng thời, học phần cũng nhằm phát triển cho người học khả năng phân tích các đặc điểm, bản chất và nguyên tắc giáo dục; kỹ năng vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất nhân cách cho học sinh.			
16.	Ngoại ngữ học phần 1	Học phần giúp người học có kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kiến thức văn hóa, xã hội nhằm giúp người học phát triển năng lực giao tiếp cần thiết và có khả năng vận dụng vào xử lý các tình huống giao tiếp hàng ngày ở trình độ trên bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	4	Học kỳ 2	Tự luận
17.	Giáo dục thể chất 2	Học phần giúp người học nâng cao sức khỏe và bước đầu hướng dẫn tập luyện một số bài tập thể lực chuyên môn hỗ trợ cho môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện.	1	Học kỳ 2	Thực hành
18.	Hán Nôm II	Học phần gồm hai bộ phận là: Hán văn và chữ Nôm: + Phần Hán văn: Tiếp tục giúp người học có được những kiến thức cơ sở về cổ Hán văn; trau dồi kỹ năng sử dụng tiếng Việt, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp để đọc hiểu văn bản. Thông qua các văn bản Hán văn đã được dịch và công bố, người học có cơ sở so sánh, đối chiếu nhằm tiếp cận tác phẩm thấu đáo, sâu sắc hơn. + Phần Nôm: Giúp người học nắm bắt lý thuyết cơ bản về chữ Nôm. Định hướng, rèn kỹ năng đọc văn bản Nôm; thực hành việc đọc và phân tích kết cấu chữ Nôm thông qua các văn bản/trích đoạn của một số tác phẩm quen thuộc. Giúp	2	Học kỳ 2	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		người học thấy được những đóng góp quan trọng của chữ Nôm về mọi mặt, đặc biệt về văn học			
19.	Âm vị học tiếng Việt	Học phần này thuộc nhóm học phần chung, bắt buộc, gồm 4 chương. Học phần sẽ cung cấp kiến thức: (1) đối tượng và cơ sở của ngữ âm học, (2) đặc điểm âm tiết tiếng Việt, (3) hệ thống âm vị tiếng Việt và (4) một số vấn đề liên quan đến việc vận dụng kiến thức âm vị học vào việc giảng dạy ở nhà trường phổ thông. Từ đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc giảng dạy Ngữ Văn ở nhà trường phổ thông; có khả năng lý giải, phân tích các hiện tượng, đơn vị, cấu trúc của tiếng Việt; củng cố khả năng giao tiếp tiếng Việt chuẩn mực và có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cho học sinh.	2	Học kỳ 2	Trắc nghiệm, Tự luận
20.	Văn học trung đại Việt Nam I và II	Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về văn học trung đại Việt Nam và về sự phát triển của hai giai đoạn văn học là thế kỷ X - XIV và thế kỷ XV - XVII. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức được học vào việc phân tích, đánh giá các tác phẩm, tác giả, thể loại, giai đoạn, trào lưu thuộc văn học Việt Nam thế kỷ X - XVII, đề xuất vấn đề nghiên cứu, vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết vấn đề của văn học Việt Nam thế kỷ X - XVII.	3	Học kỳ 3	Tự luận, Tiểu luận
21.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Công sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn	2	Học kỳ 3	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, con người và đạo đức. Từ đó, học phần giúp người học hình thành niềm tin vào lý tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.			
22.	Ngoại ngữ học phần 2	Học phần giúp người học hệ thống hóa lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, văn hóa, xã hội và phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng vào xử lý các tình huống giao tiếp thông thường hoặc đặc biệt ở trình độ cận bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	3	Học kỳ 3	Tự luận
23.	Giao tiếp sư phạm	Học phần giúp người học có kiến thức về nguyên tắc, phong cách, phương tiện, kỹ năng giao tiếp sư phạm và vận dụng kiến thức đó để tiếp cận với các đối tượng khác nhau trong môi trường sư phạm, từ đó có cách ứng xử phù hợp; giải quyết các tình huống giao tiếp hiệu quả và góp phần xây dựng văn hóa học đường.	2	Học kỳ 3	Trắc nghiệm, Tự luận
24.	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông	Học phần giúp người học hình thành và phát triển cho các kiến thức về vị trí, chức năng, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp, các loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông; phát triển kỹ năng quản lý lớp học, tổ chức hoạt động chủ nhiệm lớp: thiết kế và triển khai kế hoạch chủ nhiệm, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh lớp chủ nhiệm; kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại trường trung học phổ thông.	2	Học kỳ 3	Tự luận
25.	Giáo dục thể chất 3	Học phần giúp người học tăng khả năng phối hợp vận động, lượng vận động trong thể lực chung và thể lực chuyên môn thông qua các bài tập thể lực đa dạng, chuyên biệt, bước	1	Học kỳ 3	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		đầu làm quen các hình thức và luật thi đấu của các môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện.			
26.	Từ vựng – Ngữ nghĩa – Ngữ dụng học tiếng Việt	Học phần này giúp người học hiểu các kiến thức cơ bản nhất về ngữ nghĩa học từ vựng học, ngữ nghĩa học cú pháp học và ngữ dụng học Việt ngữ; đồng thời hướng dẫn người học cách vận dụng kiến thức từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng học vào việc giảng dạy tiếng Việt và phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông.	3	Học kỳ 3	Tự luận, Trắc nghiệm, Vấn đáp
27.	Lý luận văn học II	Học phần này giúp người học nắm vững những kiến thức lý luận văn học cơ bản về tác phẩm văn học, thể loại văn học và tiến trình văn học: Tác phẩm văn học là một chỉnh thể, Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, Đề tài, Chủ đề, Tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học, Ý nghĩa của tác phẩm văn học, Nhân vật trong tác phẩm văn học, Kết cấu của tác phẩm văn học, Lời văn trong tác phẩm văn học, Loại thể văn học, Tác phẩm tự sự, Tác phẩm trữ tình, Kịch bản văn học, Kí văn học, Tiến trình văn học, Trào lưu, Phong cách, Chủ nghĩa hiện thực, Chủ nghĩa lãng mạn, Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, Chủ nghĩa hiện đại, Chủ nghĩa hậu hiện đại. Đồng thời hình thành ở người học 7 năng lực vận dụng các tri thức nói trên (tác phẩm, thể loại, tiến trình văn học) vào việc xử lý một số vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, giảng dạy văn học.	3	Học kỳ 3	Tự luận
28.	Phân tích, phát triển chương trình Ngữ văn	Học phần này giúp người học có kiến thức cơ bản về vấn đề phân tích và phát triển chương trình giáo dục bậc trung học nói chung và chương trình môn Ngữ văn nói riêng, có được cái nhìn tổng quát về bước chuyển từ tiếp cận nội dung sang	2	Học kỳ 3	Thực hành



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		tiếp cận năng lực của chương trình môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam. Từ đó, giúp người học vận dụng những kiến thức trên vào việc xác định mục tiêu của một kế hoạch bài dạy, thực hành việc lựa chọn văn bản ngữ liệu dạy học Ngữ văn theo định hướng tiếp cận năng lực.			
29.	Văn học trung đại Việt Nam III và IV	Học phần giúp người học có kiến thức về văn học từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX. Giai đoạn thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX có thể nói là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất trong văn học trung đại Việt Nam. Trào lưu nhân đạo chủ nghĩa thể hiện đậm nét trong văn học giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn có những tác phẩm xuất sắc để lại tiếng vang không chỉ trong nước mà còn ra ngoài thế giới nữa (Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Truyện Kiều, Thơ Nôm Hồ Xuân Hương...). Nửa thế kỷ sau cũng là sự tiếp nối của chủ nghĩa nhân đạo đồng thời chủ nghĩa yêu nước cũng được đề cao với những tác phẩm của các tác giả Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương... Bên cạnh đó là sự phát triển của thể loại tiếp nối những thế kỷ trước: thơ trữ tình (chữ Hán, chữ Nôm), truyện thơ, khúc ngâm, văn xuôi, phú, văn tế, hát nói, tuồng, chèo...). Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho người học kỹ năng đọc hiểu, phân tích, thẩm bình tác phẩm theo thể loại, thấy được sự khác nhau về các đặc điểm, ý nghĩa của thể loại, phản ánh quá trình phát triển của tư tưởng nghệ thuật nơi các tác gia trung đại.	3	Học kỳ 4	Tự luận
30.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần giúp người học có sự hiểu biết về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và nghiên cứu quá trình hình thành	2	Học kỳ 4	Tự luận, tiểu luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		và quy luật ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, các cuộc kháng chiến cứu nước và bảo vệ độc lập dân tộc, cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Từ đó hiểu rõ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.			
31.	Ngoại ngữ học phần 3	Học phần giúp người học củng cố và bổ sung các kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng tốt trong việc giải quyết các tình huống giao tiếp ở trình độ bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	3*	Học kỳ 4	Tự luận
32.	Lý luận chung về phương pháp dạy học Ngữ văn	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về vai trò, ý nghĩa của bộ môn Ngữ văn trong nhà trường trung học; hồ sơ dạy học Ngữ văn; các lý thuyết và phương pháp dạy học hiện đại được vận dụng trong dạy học Ngữ văn. Trên cơ sở ấy, người học vận dụng được các kiến thức đó vào việc xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ dạy học, tổ chức một số hoạt động dạy học Ngữ văn.	3	Học kỳ 4	Tự luận
33.	Văn học Phương Đông I	Học phần này giúp người học có kiến thức cơ bản về văn học cổ - trung đại Phương Đông, từ những điều kiện (địa lý, lịch sử, tư tưởng, văn tự... ) tạo nên đặc trưng văn hóa khu vực đến tiến trình và thành tựu quan trọng của các thể loại văn học tiêu biểu; trên cơ sở đó góp phần phát triển ở người học năng lực đọc hiểu tác phẩm văn học phương Đông thời cổ - trung đại.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Vấn đáp, Tiểu luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
34.	Ngữ pháp học tiếng Việt	<p>Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về ngữ pháp học tiếng Việt (từ loại và hệ thống các từ loại, vai trò và chức năng của từ loại trong ngữ đoạn, cấu tạo của các loại ngữ đoạn, cấu tạo ngữ pháp của câu tiếng Việt), những phương pháp dạy học ngữ pháp ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, hình thành ở người học các kỹ năng như nhận diện từ loại, phân tích đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của từ trong các văn bản cụ thể, phân tích cấu tạo ngữ đoạn, phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu tiếng Việt đồng thời hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức và phương pháp đã học vào việc giảng dạy ngữ pháp trong nhà trường phổ thông.</p>	3	Học kỳ 4	Tự luận
35.	Văn học hiện đại Việt Nam I	<p>Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 như: bước chuyển từ văn học trung đại, qua cận đại, sang hiện đại; quá trình đại chúng hóa, hiện đại hóa và đa dạng hóa văn học quốc ngữ (nhìn từ thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện văn học); những thành tựu nổi bật của thơ, tiểu thuyết, kịch, kí và văn chính luận hiện đại, nhất là ở giai đoạn 1930-1945. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho người học kỹ năng đọc hiểu, phân tích các tác phẩm, tác giả như là những sự kiện của tiến trình văn học; kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm văn học hiện đại/cận hiện đại theo đặc trưng loại thể.</p>	3	Học kỳ 5	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
36.	Lý thuyết tiếp nhận và dạy học văn bản văn học	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về vấn đề tiếp nhận văn học. Từ đó người học có thể vận dụng: nhận thức, phân tích các văn bản văn học, hiện tượng phê bình văn học, và các vấn đề của lịch sử văn học; vận dụng dạy học văn bản văn học trong nhà trường phổ thông.	2	Học kỳ 4	Tiểu luận
37.	Mỹ học	Học phần giúp người học có kiến thức về lịch sử mỹ học, hệ thống các vấn đề cơ bản của mỹ học. Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức này để kiến giải các trào lưu, hiện tượng, loại hình, tác giả, tác phẩm văn học... cụ thể trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy văn học.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Tiểu luận
38.	Nghệ thuật học	Học phần giúp người học có vốn kiến thức lý thuyết lẫn thực hành qua các hình thức như cung cấp kiến thức qua các giờ giảng tại lớp, kết hợp với phần hướng dẫn, phân tích, lý giải các thành tựu, thực tế nghệ thuật một cách cụ thể; trang bị vốn nghệ thuật học thực tiễn qua việc xem các vở diễn sân khấu, các bộ phim điện ảnh và truyền hình, biểu diễn âm nhạc, triển lãm mỹ thuật, viện bảo tàng, các công trình văn hóa...; rèn luyện kỹ năng sáng tạo ở một số lĩnh vực thích hợp: viết kịch bản sân khấu, điện ảnh, truyền hình; viết phê bình, nghiên cứu nghệ thuật; thực hành một số kỹ năng đơn giản về hội họa, âm nhạc... Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng hệ thống hoá các kiến thức phổ thông về nghệ thuật (kiến trúc, điêu khắc, hội họa, đồ họa, âm nhạc, điện ảnh, kịch nghệ...) thế giới và Việt Nam qua lược sử phát triển, qua các thành tựu tiêu biểu, các tác gia lớn; từ đó được mở rộng vốn hiểu biết về những đặc sắc của văn hóa nhân	2	Học kỳ 4	Tự luận, Tiểu luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		loại, và đặc biệt, những nét đẹp nghệ thuật của dân tộc mình. Từ việc nâng cao kiến thức nghệ thuật, người học được cải thiện trình độ văn hóa- thẩm mỹ nói chung, qua đó, đủ năng lực để nâng cao thị hiếu thẩm mỹ, biết thâm nhập và tiếp nhận cái đẹp theo đúng các chuẩn mực nghệ thuật.			
39.	Thi pháp học	Học phần giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về thi pháp học như thi pháp nhân vật, thi pháp lời văn nghệ thuật, thi pháp về kết cấu...; bước đầu vận dụng phân tích và lý giải các phương diện trên thông qua một số tác phẩm hoặc hệ thống tác phẩm của cùng một thể loại.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Tiểu luận
40.	Truyền thông và tiếp nhận văn học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông đại chúng và tiếp nhận văn học; ảnh hưởng của các truyền thông đối với sự phổ biến và tiếp nhận tác phẩm; đặc điểm và sự biểu hiện của tiếp nhận trên các phương tiện truyền thông đương đại.	2	Học kỳ 4	Tự luận
41.	Một số vấn đề của chủ nghĩa hậu hiện đại	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn hóa, văn học, đặc trưng của chủ nghĩa hậu hiện đại, một số tác gia tiêu biểu, đặc biệt là những kiến thức cơ bản của văn hóa, văn học hậu hiện đại trong văn học Âu - Mỹ và một số quốc gia châu Á, sự ảnh hưởng của nó đối với văn hóa, văn học các quốc gia khác trên thế giới. Học phần giúp người học có phương pháp, kỹ năng chủ yếu để tiếp cận văn hóa, văn học hậu hiện đại, phát triển tư duy phản biện, lĩnh hội tinh thần đối thoại với thực tại và tôn trọng cái khác biệt.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Tiểu luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
42.	Tiếp cận tác phẩm văn học dân gian	Học phần giúp người học có kiến thức về: khái niệm tác phẩm văn học dân gian (VHDG), các yếu tố cấu thành và cuộc sống đích thực của tác phẩm, sự hình thành và biến đổi của tác phẩm, các lớp lịch sử và văn hóa trong tác phẩm, chức năng của tác phẩm, tác phẩm VHDG trong sự so sánh với tác phẩm văn học viết. Học phần điếm qua một số cách thức tiếp cận tác phẩm VHDG hiện nay và làm rõ cách tiếp cận tác phẩm theo những đặc trưng chung của VHDG và những đặc trưng riêng của từng thể loại. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học vận dụng kiến thức để có thể thực hành tiếp cận một số tác phẩm VHDG cụ thể.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Vấn đáp
43.	Type và motif trong truyện dân gian	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về các thuật ngữ - khái niệm hữu quan, đặc điểm và phương pháp tiếp cận type và motif trong truyện dân gian. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng vào việc đọc, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học dân gian bằng type và motif phục vụ cho học tập, nghiên cứu và dạy học văn học dân gian trong nhà trường.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Thực hành
44.	Nhập môn Logic học	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về Logic học hình thức, trong đó bao gồm các nội dung về quy luật tư duy (đồng nhất, cấm mâu thuẫn, bài trung và túc lý), về khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ và ngụ biện. Học phần cũng nhằm hình thành ý thức nâng cao năng lực tư duy logic, kỹ năng phân tích tính hợp lôgic của suy luận cho người học.	2	Học kỳ 4	Tự luận
45.	Đọc hiểu văn bản văn học từ một số lý thuyết hiện đại	Học phần giới thiệu và thảo luận những vấn đề cơ bản của lý luận văn học đương đại, thông qua nghiên cứu một số văn bản lý luận tiêu biểu. Học phần giúp người học nhận biết,	2	Học kỳ 4	Tự luận, Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>lý giải, đánh giá các lý thuyết văn học, biết vận dụng lý thuyết vào nghiên cứu văn học. Thông qua tiếp cận các văn bản lý luận quan trọng, giảng viên giúp người học nắm tổng quát các vấn đề lý luận văn học cơ bản. Thông qua quá trình thảo luận, học phần này mong muốn người học thực hành tư duy phản biện trong quá trình tiếp cận các vấn đề lý thuyết và thực tiễn văn học. Nêu cho người học đọc văn bản tiếng Anh, học phần sẽ giúp người học bước đầu làm quen với một số thuật ngữ, cách diễn đạt tiêu biểu của tiếng Anh về lý thuyết văn học. Trên cơ sở đó tạo kiến thức nền cho việc nghiên cứu và giảng dạy văn học</p>			
46.	<p>Dạy học tiếp nhận văn bản ở trường trung học</p>	<p>Học phần này giúp người học có những kiến thức cơ bản về về văn bản (khái niệm, phân loại, đặc điểm), hoạt động tiếp nhận văn bản cũng như việc dạy học tiếp nhận văn bản ở nhà trường phổ thông (đặc điểm của hoạt động tiếp nhận văn bản trong trường phổ thông, mục tiêu dạy học tiếp nhận văn bản và các mô hình dạy đọc văn bản trong nhà trường) và những phương pháp, chiến thuật dạy học tiếp nhận văn bản. Từ đó, người học biết vận dụng vào việc thiết kế kế hoạch bài dạy và triển khai dạy học theo định hướng phát triển năng lực tiếp nhận văn bản cho học sinh.</p>	3	<p>Học kỳ 5</p>	<p>Thực hành</p>
47.	<p>Dạy học tạo lập văn bản ở trường trung học</p>	<p>Học phần giúp người học có kiến thức về về hoạt động tạo lập văn bản (đặc điểm, tiến trình), việc dạy học tạo lập văn bản ở trường trung học (mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp); vận dụng được kiến thức đó để xây dựng kế hoạch bài dạy tạo lập văn bản và triển khai dạy học theo định hướng phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh.</p>	2	<p>Học kỳ 5</p>	<p>Thực hành</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
48.	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn	<p>Học phần này giúp người học có kiến thức cơ bản về cơ bản về hoạt động kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; một số phương pháp, công cụ đánh giá dùng trong hình thức đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì trong môn Ngữ văn; kế hoạch đánh giá trong dạy học bài học môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; cách thức sử dụng và phân tích kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn; vận dụng được kiến thức đó để xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá trong dạy học bài học môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học bài học môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh và sử dụng, phân tích kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn.</p>	2	Học kỳ 5	Thực hành
49.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn	<p>Học phần này giúp người học hiểu các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giúp người học bước đầu đề xuất được vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục Ngữ văn, biết phản biện, sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi để giải quyết vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả, sáng tạo. Với việc tham gia học phần, người học có thể vận dụng những hiểu biết của mình về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để viết được một đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục Ngữ văn</p>	2	Học kỳ 5	Tự luận, Thực hành



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
50.	Phong cách học tiếng Việt	Học phần này giúp người học hiểu các kiến thức cơ bản về khái niệm phong cách, phong cách học, phong cách học tiếng Việt; khái niệm phong cách chức năng, kiểu loại diễn ngôn; các phong cách chức năng ngôn ngữ trong tiếng Việt; các biện pháp tu từ trong tiếng Việt. Trên cơ sở đó, hình thành ở người học ý thức vận dụng phong cách học tiếng Việt vào nghiên cứu văn học và dạy học Ngữ văn.	2	Học kỳ 5	Tự luận
51.	Văn học Phương Đông II	Học phần này giúp người học có kiến thức cơ bản về thơ và tiểu thuyết hiện đại Phương Đông; làm rõ tính dân tộc, tính khu vực và xu thế hội nhập toàn cầu; trên cơ sở đó góp phần phát triển ở người học năng lực đọc hiểu, phê bình văn học Phương Đông qua thực tiễn sáng tác của một số tác giả tiêu biểu.	2	Học kỳ 5	Tự luận, Tiểu luận, Vấn đáp
52.	Văn học Phương Tây I	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về văn học Tây Âu - Mỹ qua cách tiếp cận thể loại để thấy rõ tiến trình văn học Phương Tây từ thời cổ đại đến nay; chú trọng những thành tựu có tính cách tân nghệ thuật; trên cơ sở đó củng cố và bổ sung một số kiến thức lý luận nền tảng, góp phần phát triển ở người học năng lực đọc hiểu, phê bình văn học Phương Tây.	3	Học kỳ 5	Tự luận, Tiểu luận, Vấn đáp
53.	Văn học hiện đại Việt Nam II	Học phần giúp người học có kiến thức về tiến trình thể loại của văn học Việt Nam từ 1945 đến nay như: Sự đề cao tư tưởng/ý thức hệ quốc gia dân tộc và xu hướng sử thi hóa, kí hóa các thể loại văn học (1945-1975); xu hướng thể sự hóa các thể loại văn học cùng tinh thần dân chủ hóa, toàn cầu hóa, thị trường hóa,... trong sáng tạo và tiếp nhận văn học Việt Nam (sau 1975). Trên cơ sở đó, hình thành, phát triển ở người	2	Học kỳ 6	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>học năng lực nhận diện, phân tích các dấu hiệu sử thi hóa, thể sự hóa qua những sáng tác cụ thể; năng lực phân tích đánh giá tác phẩm văn học hiện đại/cận hiện đại theo đặc trưng và tiến trình thể loại, để vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy.</p>			
54.	<p>Yếu tố văn hóa dân gian trong <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du và thơ Nôm của Hồ Xuân Hương</p>	<p>Học phần giúp người học có kiến thức về Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương. Cả hai tác giả vừa là danh nhân văn hóa của nhân loại, vừa là những tác gia lớn và tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam có những cống hiến quan trọng cả về phương diện tư tưởng lẫn văn chương với khối lượng tác phẩm khá lớn (chữ Hán, chữ Nôm) và với một phong cách nghệ thuật đặc sắc giàu sáng tạo; đặc biệt nổi trội yếu tố văn hóa dân gian - sự tiếp nối của truyền thống văn hóa Việt.</p> <p>Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học vào việc đi sâu tìm hiểu nghiên cứu những nét văn hóa dân gian nổi bật cũng như phong cách nghệ thuật của Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương, hoặc phân tích, bình giảng các tác phẩm, các đoạn trích cụ thể (ở nhà trường phổ thông).</p>	2	Học kỳ 6	Tự luận
55.	<p>Tổng quan về thể loại và tiến trình văn học Hán Nôm</p>	<p>Học phần giúp người học có kiến thức về các thể loại văn học trung đại (đặc điểm, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển, hiệu quả thẩm mỹ), sự tương tác giữa các thể loại, mối quan hệ giữa thể loại với thời đại phát sinh, với chủ thể nghệ thuật và tư tưởng nghệ thuật qua từng giai đoạn văn học. Đồng thời cung cấp kiến thức về tiến trình văn học trung đại (văn học Hán Nôm) từ vấn đề phân kỳ, đặc điểm của từng giai đoạn văn học đến ý nghĩa của tiến trình vận động, phát triển của văn học trung đại. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện</p>	2	Học kỳ 6	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		cho người học kỹ năng nhận biết sự khác nhau về đặc điểm của các thể loại để có cách hiểu, cách cảm đúng, sâu sắc, và biết cách phân tích, thẩm bình phù hợp, xác đáng đối với các tác phẩm văn học cụ thể trong từng giai đoạn văn học khác nhau.			
56.	Phong cách nghệ thuật của một số tác giả văn học trung đại Việt Nam	Học phần giúp người học có kiến thức về 3 tác giả lớn của thời trung đại. Đó là Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và Nguyễn Đình Chiểu. Mỗi tác giả có một phong cách riêng làm nên sự đa dạng phong phú trong 10 thế kỷ văn học. Đồng thời cũng lưu ý thêm về mặt thể loại mà 3 tác giả này đã thể hiện trong những tác phẩm để đời của mình (Thơ trữ tình Hán, Nôm, Cáo, Văn chính luận, Truyện thơ, Văn tế...). Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học vào việc đi sâu nghiên cứu hoặc phân tích, bình giảng các tác phẩm, các đoạn trích cụ thể (ở nhà trường phổ thông) sao cho nổi bật được từng phong cách nghệ thuật riêng của 3 tác giả.	2	Học kỳ 6	Tự luận
57.	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn	Học phần giúp người học có hiểu biết về các khả năng ứng dụng đặc thù của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn. người học có thể vận dụng hiểu biết đó để tổ chức hồ sơ dạy học, tích hợp vào việc tổ chức các hình thức dạy học khác nhau, đồng thời có thể ứng dụng vào kiểm tra đánh giá kết quả dạy học Ngữ văn.	2	Học kỳ 6	Tự luận
58.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phần giúp người học củng cố những kiến thức cơ bản về kỹ năng sư phạm (đặc điểm). Từ đó, vận dụng những điều trên vào việc thiết kế kế hoạch bài học và triển khai tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường trung học.	2	Học kỳ 6	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
59.	Văn học Phương Tây II	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về văn học Đông Âu – Nga thế kỉ XIX và XX qua cách tiếp cận thể loại, hoàn thiện thêm cái nhìn về tiến trình văn học Phương Tây; chú trọng những thành tựu có tính cách tân nghệ thuật; trên cơ sở đó củng cố và bổ sung một số kiến thức lý luận nền tảng, góp phần phát triển ở người học năng lực đọc hiểu, phê bình văn học Phương Tây.	2	Học kỳ 6	Tự luận, Tiểu luận, Vấn đáp
60.	Tổng quan về các thể loại văn xuôi hư cấu hiện đại Việt Nam	Học phần giúp người học có hiểu biết về thể loại của văn xuôi hư cấu Việt Nam hiện đại; đặc trưng và tiến trình của một số thể loại văn xuôi hư cấu hiện đại quan trọng (truyện ngắn, tiểu thuyết, tự truyện, tiểu thuyết - phóng sự,...). Trên cơ sở đó hình thành, phát triển ở người học năng lực cảm thụ, phân tích, nghiên cứu cũng như năng lực hướng dẫn đọc hiểu tác phẩm văn xuôi hư cấu Việt Nam hiện đại theo đặc trưng thể loại.	2	Học kỳ 7	Tự luận
61.	Tổng quan về văn xuôi phi hư cấu hiện đại Việt Nam	Học phần giúp người học có hiểu biết về văn xuôi phi hư cấu Việt Nam hiện đại, đặc trưng cơ bản và phương thức tiếp nhận các sáng tác văn học phi hư cấu (các loại văn bản thông tin - nhật dụng, văn chính luận, các tiểu loại văn học kí,...) trong văn học Việt Nam hiện đại. Trên cơ sở đó, học phần này rèn luyện cho người học kỹ năng đọc hiểu, phân tích các tác phẩm văn xuôi phi hư cấu Việt Nam hiện đại theo đặc trưng thể loại.	2	Học kỳ 7	Tự luận
62.	Sự vận động của tiểu thuyết và trường ca trong văn học quốc ngữ Việt Nam	Học phần giúp người học có hiểu biết về quá trình hình thành, phát triển, biến đổi của tiểu thuyết và trường ca cũng như vị thế của hai thể loại “cỡ lớn” này trong văn học quốc ngữ Việt Nam. Trên cơ sở đó hình thành, phát triển ở người	2	Học kỳ 7	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		học năng lực nghiên cứu và giảng dạy tiêu thuyết, trường ca theo tiến trình vận động cũng như theo thi pháp thể loại.			
63.	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn	Học phần này giúp người học có kiến thức về lý thuyết học tập trải nghiệm, cách thức tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn; vận dụng được kiến thức đó để xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn.	2	Học kỳ 6	Thực hành
64.	Thiết kế câu hỏi trắc nghiệm trong dạy học Ngữ văn	Học phần này giúp người học có kiến thức cơ bản về khái niệm, một số dạng câu hỏi trắc nghiệm; cách thức thiết kế và thực hiện đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm trong môn Ngữ văn, ưu điểm và hạn chế của câu hỏi trắc nghiệm, từ đó vận dụng vào việc thực hành thiết kế đề kiểm tra trắc nghiệm để đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản của học sinh ở trường phổ thông.	2	Học kỳ 6	Tự luận
65.	Thiết kế lớp học trực tuyến trong dạy học Ngữ văn	Học phần này giúp người học có kiến thức cơ bản về các ứng dụng nền để tạo lập, thiết kế khóa học trực tuyến môn Ngữ văn; vận dụng hiểu biết đó để tổ chức lớp học trực tuyến đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình theo hình thức trực tuyến hỗ trợ trực tiếp, hoặc hình thức trực tuyến hoàn toàn.	2	Học kỳ 6	Thực hành
66.	Thực hành đánh giá trong dạy học Ngữ văn	Học phần này giúp người học vận dụng kiến thức, kỹ năng về kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn ở trường phổ thông để thực hành đánh giá những năng lực đặc thù của môn Ngữ văn (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học) ở cả hai hình thức đánh giá thường xuyên (để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh) và đánh giá định kì (để xác nhận thành kết quả học tập của học sinh).	2	Học kỳ 6	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
67.	Kỹ năng quản lý thời gian và giải quyết vấn đề của giáo viên	Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về học lĩnh hội các mô hình quản lý thời gian và các mô hình giải quyết vấn đề hiệu quả như: tứ đồ thời gian, mô hình PHA, mô hình KANPAN, mô hình năm bước xử lý vấn đề... Trên cơ sở đó, giúp người học vận dụng vào thực tiễn công tác nhằm sử dụng thời gian một cách hiệu quả, sắp xếp công việc khoa học và có kỹ năng xử lý các vấn đề, tháo gỡ các bế tắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên.	2	Học kỳ 6	Thực hành, Tự luận, Tiểu luận
68.	Kỹ năng quản lý cảm xúc và giải quyết mâu thuẫn của giáo viên	Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về các kỹ thuật quản lý cảm xúc và tiết chế sự biểu hiện cảm xúc sao cho phù hợp trong quá trình làm việc; mô hình các bước xử lý mâu thuẫn hiệu quả và các kỹ thuật thực hiện tương ứng. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để quản lý cảm xúc của bản thân trong những mối quan hệ và các tình huống giao tiếp khác nhau phù hợp, giải quyết hiệu quả những mâu thuẫn có thể xảy ra với các đối tượng có liên quan trong quá trình công tác của người giáo viên.	2	Học kỳ 6	Thực hành, Tự luận, Tiểu luận
69.	Kỹ năng tư duy sáng tạo của giáo viên trong hoạt động sư phạm	Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về cách tìm kiếm cảm hứng sáng tạo trong dạy học, giáo dục, các thủ thuật sáng tạo: công não; liên tưởng tương tự...; cách thức thoát khỏi những khuôn mẫu lối mòn của tư duy, khắc phục tính ỳ tâm lý;... Trên cơ sở đó, người học vận dụng để không ngừng sáng tạo trong quá trình công tác của người giáo viên.	2	Học kỳ 6	Thực hành, Tự luận, Tiểu luận
70.	Thực tập sư phạm 1	Học phần giúp người học bước đầu tập làm quen với các công việc của một giáo viên tại các trường trung học phổ thông. Cụ thể là: + Tìm hiểu thực tế tình hình giáo dục tại địa phương;	2	Học kỳ 6	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu và thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, đứng lớp tổ chức giờ sinh hoạt chủ nhiệm,...)</li> <li>+ Tìm hiểu thực tế giảng dạy Toán học (dự giờ, sinh hoạt tổ bộ môn...) và thực tập giảng dạy môn Ngữ văn (soạn bài, giảng dạy...).</li> </ul>			
71.	Tiếp cận Văn học nước ngoài trong nhà trường	Học phần giúp người học vận dụng kiến thức văn học nước ngoài nhằm xử lý hiệu quả ngữ liệu trong chương trình Ngữ văn bậc phổ thông, từ phương diện thi pháp thể loại đến lịch sử tiếp cận văn bản văn học.	3	Học kỳ 7	Tự luận
72.	Chuyên đề Văn học Phương Đông	Học phần giúp người học có kiến thức về đặc điểm chung của các nền văn học khu vực Phương Đông: thời cổ - trung đại có tính tương tác nội bộ, thời cận - hiện đại tiếp nhận Phương Tây và dần phát triển theo xu hướng toàn cầu hóa; thấy rõ hơn tiến trình văn học Phương Đông và con đường hội nhập của nó vào dòng chảy chung văn hóa thế giới. Trên cơ sở đó, góp phần phát triển ở người học khả năng nghiên cứu giảng dạy văn học, nắm bắt một số quy luật của quá trình phát triển văn học phương Đông.	3	Học kỳ 7	Thực hành, Tự luận, Tiểu luận
73.	Chuyên đề Văn học Phương Tây	Học phần giúp người học có kiến thức chuyên sâu về văn học Phương Tây (Tây Âu – Mỹ, Đông Âu – Nga) qua tiếp cận các trào lưu nghệ thuật hiện đại, qua nghiên cứu sự giao thoa của văn học Phương Tây và văn học Việt Nam. Trên cơ sở đó, củng cố và bổ sung một số kiến thức nền, góp phần phát triển ở người học khả năng nghiên cứu giảng dạy văn học.	3	Học kỳ 7	Thực hành, Tự luận, Tiểu luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
74.	Phương ngữ học tiếng Việt	Học phần giúp người học có kiến thức về phương ngữ học; vấn đề phân vùng các phương ngữ tiếng Việt; đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của các hệ thống phương ngữ Bắc, Trung, Nam của tiếng Việt; vấn đề chuẩn tiếng Việt; chính sách ngôn ngữ.	2	Học kỳ 7	Tự luận
75.	Tổng quan về thơ Việt Nam hiện đại	Học phần giúp người học có kiến thức về quá trình vận động, bức tranh chung về thể loại; đặc điểm nổi bật của một số hình thức kết cấu, ngôn ngữ thơ hiện đại Việt Nam qua thực tiễn sáng tác (thơ ngắn, trường ca, thơ trữ tình trường thiên; các loại hình câu thơ: câu thơ đều đặn/ không đều đặn/ thơ văn xuôi;...). Trên cơ sở đó hình thành, phát triển ở người học năng lực cảm thụ, phân tích, nghiên cứu cũng như năng lực hướng dẫn đọc hiểu tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại.	2	Học kỳ 7	Tự luận
76.	Các yếu tố Hán Việt trong từ vựng tiếng Việt	Học phần giúp người học có kiến thức về các yếu tố Hán Việt, các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa, sự chuyên hoá ngữ nghĩa của chúng khi hoạt động trong tiếng Việt. Từ đó giúp người học vận dụng những kiến thức này vào việc nghiên cứu văn học và giảng dạy ngữ văn.	2	Học kỳ 7	Tự luận
77.	Tiếp cận, diễn giải các tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường	Học phần giúp người học có vốn kiến thức về lý luận dịch thuật nói chung và dịch Hán Việt nói riêng; giúp người học đi sâu tìm hiểu một số tác phẩm (chủ yếu là thơ ca) dưới góc độ nguyên tác chữ Hán, đối chiếu bản dịch,... đặc biệt là đối với những tác phẩm còn nhiều ý kiến khác nhau; nâng cao khả năng phân tích, lĩnh hội cho người học để họ có thể thâm thấu tác phẩm một cách sâu sắc. Qua đó, giúp người học tự tin thực hiện các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy các tác	2	Học kỳ 7	Tự luận



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		phẩm văn học chữ Hán và văn học nói chung trong nhà trường trung học.			
78.	Thể loại truyện thơ Việt Nam thời trung đại	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về truyện thơ Việt Nam thời trung đại : thuật ngữ truyện thơ, phân loại truyện thơ, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển của truyện thơ; những nội dung chính và những đặc điểm nổi bật về thi pháp truyện thơ; lý tưởng thẩm mỹ được thể hiện trong truyện thơ; vị trí của thể loại truyện thơ trong văn học Việt Nam thời trung đại cũng như trong văn học Việt Nam nói chung; vấn đề giảng dạy truyện thơ trong nhà trường phổ thông trung học. Trên cơ sở đó, giúp người học vận dụng kiến thức để có thể cảm nhận, phân tích, đánh giá... khi tiếp cận một tác phẩm, một vấn đề của truyện thơ Việt Nam giai đoạn này.	3	Học kỳ 7	Tự luận
79.	Quá trình đổi mới và đa dạng hóa thẩm mỹ văn học Quốc ngữ Việt Nam	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về quá trình đổi mới của văn học quốc ngữ Việt Nam; về tính đa dạng trong xu hướng nghệ thuật cũng như sự đa dạng thẩm mỹ trong văn học quốc ngữ Việt Nam. Trên cơ sở đó, hình thành, phát triển ở người học ý thức và kỹ năng cảm nhận, phân tích, đánh giá sự cách tân cũng như giá trị thẩm mỹ của các sáng tác văn học hiện đại, đồng thời có khả năng ứng dụng vào dạy văn học ở trường trung học...	3	Học kỳ 7	Tự luận
80.	Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về các cách tiếp cận hiện đại đối với ngôn ngữ và hiểu được sự gặp gỡ giữa cách tiếp cận này với việc dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực. Trên cơ sở đó, giúp người học thực hành ứng dụng các khái niệm công cụ của ngôn ngữ học vào việc dạy đọc và viết cho học sinh phổ thông.	3	Học kỳ 7	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
81.	Phân tích diễn ngôn tiếng Việt	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về văn bản, ngôn bản, diễn ngôn, ngữ pháp văn bản, phân tích diễn ngôn; khái quát về phân tích diễn ngôn; diễn ngôn và cấu trúc diễn ngôn tiếng Việt; liên kết và mạch lạc trong diễn ngôn tiếng Việt. Trên cơ sở đó, góp phần phát triển ở người học khả năng nghiên cứu văn học và giảng dạy Ngữ văn.	3	Học kỳ 7	Tự luận
82.	Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Ngữ văn	Học phần giúp người học có kiến thức về về một số phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học tích cực phổ biến cũng như các học thuyết là cơ sở khoa học cho việc dạy học tích cực. Trên cơ sở đó, người học sẽ lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp và vận dụng vào thiết kế hồ sơ, kế hoạch bài dạy Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực cho HS, đồng thời thực hành giảng dạy nhằm phát triển năng lực tổ chức hoạt động dạy học phù hợp điều kiện thực tế và từng đối tượng người học.	3	Học kỳ 7	Thực hành
83.	Dạy học tiếp nhận văn bản ở trường trung học theo đặc trưng loại thể	Học phần này giúp người học củng cố những kiến thức cơ bản về loại thể (khái niệm, vai trò, phân loại, những vấn đề cần chú ý ở từng thể loại) và nắm vững những nội dung của vấn đề dạy học tiếp nhận văn bản theo loại thể (đặc điểm, ý nghĩa, mục tiêu) ở nhà trường trung học, những mô hình, phương pháp dạy học tiếp nhận văn bản theo loại thể. Từ đó, ứng dụng những điều trên vào việc soạn giảng giáo án tiếp nhận văn bản sử dụng hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường trung học.	3	Học kỳ 7	Tự luận
84.	Thực tập sư phạm 2	Học phần giúp người học tiếp tục tìm hiểu và thực tập chi tiết hơn các công việc của một giáo viên tại các trường trung học phổ thông. Cụ thể là:	6	Học kỳ 8	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu thực tế tình hình giáo dục tại địa phương;</li> <li>+ Tìm hiểu và thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, đứng lớp tổ chức giờ sinh hoạt chủ nhiệm,...)</li> <li>+ Tìm hiểu thực tế giảng dạy môn Ngữ văn (dự giờ, sinh hoạt tổ bộ môn...) và thực tập giảng dạy môn Ngữ văn (soạn bài, giảng dạy...).</li> </ul>			
85.	Giáo dục Quốc phòng – Học phần I	Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.	30 tiết	Học kỳ hè	Trắc nghiệm, tự luận
86.	Giáo dục Quốc phòng – Học phần II	Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực quốc phòng và an ninh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc.	30 tiết	Học kỳ hè	Trắc nghiệm, tự luận
87.	Giáo dục Quốc phòng – Học phần III	Học phần giúp người học có kiến thức về đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54 và thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.	85 tiết	Học kỳ hè	Vấn đáp, thực hành
88.	Giáo dục Quốc phòng – Học phần IV	Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; công tác dân vận của Đảng hiện nay.	20 tiết	Học kỳ hè	Trắc nghiệm, tự luận

2. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp chuyên ngành:

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
1.	Đại học	Xây dựng chuyên đề “Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyên thể từ văn học” (trường hợp kịch bản chuyển thể từ tác phẩm tự sự)	Trần Thanh Duy	Nguyễn Phước Bảo Khôi
2.	Đại học	Sử dụng phương pháp THINK-ALOUD trong dạy viết văn bản nghị luận ở cấp trung học cơ sở	Huỳnh Thuỵ Nguyên Mai	Lê Thị Ngọc Chi
3.	Đại học	Một số biện pháp hướng dẫn học sinh trung học tìm hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong đọc hiểu văn bản thông tin	Phan Phước Nhiều	Lê Thị Ngọc Chi
4.	Đại học	Ý nghĩa một số biểu tượng nghệ thuật trong sáng tác của Diêm Liên Khoa (trường hợp <i>Đình trang mộng</i> và <i>Tứ thư</i> )	Chou Kiệt Hoàng	Đình Phan Cẩm Vân
5.	Đại học	Vi Tiểu Bảo trong <i>Lộc Đình ký</i> của Kim Dung dưới góc nhìn về người hùng của Joseph Campbell	Nguyễn Huỳnh Kim Kha	Đình Phan Cẩm Vân
6.	Đại học	“ <i>Những người đẹp say ngủ</i> ” của Yassunari Kawabata – từ góc nhìn mỹ học Nhật Bản	Nguyễn Hà Thanh	Phan Thu Vân
7.	Đại học	Tĩnh và động trong sáng tác câu Dazai Osamu và Nguyễn Huy Thiệp	Phạm Trần Như Ái	Phan Thu Vân
8.	Đại học	Con người cá nhân trong văn học hiện đại Nhật Bản từ tiểu thuyết của Natsume Soseki đến Haruki Murakami	Nguyễn Thành Khiêm	Nguyễn Bích Nhã Trúc
9.	Đại học	Sự trình hiện về thân thể trong thơ Ocean Vương (trường hợp tập thơ “ <i>Night Sky with Exit Wounds</i> ”)	Nguyễn Minh Nhật Nam	Nguyễn Hồng Anh
10.	Đại học	Cảm quan hiện sinh trong tiểu thuyết <i>Vòng tay học trò</i> (Nguyễn Thị Hoàng)	Nguyễn Phúc Hậu	Nguyễn Thành Thi

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
11.	Đại học	Niềm tin tâm linh của người Việt và người Campuchia qua các sáng tác truyện thơ (trường hợp <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du và <i>Tum Teav</i> theo bản của Botumthera Som)	La Chí Khang	Lê Thu Yên
12.	Đại học	Hình ảnh mái che trong thơ chữ Hán họ Nguyễn Tiên Điền (Qua khảo sát thơ của Nguyễn Đê, Nguyễn Du và Nguyễn Hành)	Nguyễn Hữu Rạng	Lê Thu Yên
13.	Đại học	Nghệ thuật tự sự trong truyện ngắn và tiểu thuyết của Uông Triều	Mai Hoàng Phương	Hoàng Thị Thuỳ Dương
14.	Đại học	Truyện thơ <i>Bích câu kì ngộ</i> từ góc nhìn liên văn bản	Lê Hồng Hân Nhiên	Đàm Thị Thu Hương
15.	Đại học	Sự kiến tạo bản sắc người đồng tính nam trong một số tác phẩm văn học và điện ảnh Việt Nam đương đại	Trần Quan Thoại	Nguyễn Thị Minh

**HIỆU TRƯỞNG**  
(đã ký)

**Huỳnh Văn Sơn**